TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Lý.

Ông Võ Minh Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; cư trú tại: Tổ 22, khu vực 4, phường Đ, thành phố Q, Bình Định (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989; cư trú tại: Laos (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu 01 năm, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Sau khi cưới, vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc bình thường, cho đến khoảng giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H cờ bạc, nghiện ma túy đá, chị khuyên giải thì anh đánh chị. Tháng 11/2015, anh H qua Lào ở và làm ăn với cha mẹ anh. Từ tháng 02/2016, vợ chồng không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn anh H.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải N1, sinh ngày 07/3/2014 và Nguyễn Hải N2, sinh ngày 30/5/2015, đang ở với anh H, sức khỏe bình thường. Chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị sẽ có trách nhiệm với các cháu.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2016 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Paksé Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào), bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như chị P đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường tại nhà riêng của vợ chồng ở Thành phố Q. Cuối năm 2014, vợ chồng sang Lào chung sống và làm ăn với cha mẹ của anh. Tháng 2 năm 2016, anh làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình khó khăn, chị P tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị P trình bày là đúng. Anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ chung, cũng không ai nợ chung vợ chồng, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P; về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hải N1và Nguyễn Hải N2 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H

không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không giải quyết; Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù Tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn anh Nguyễn Xuân H vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì sang Lào làm ăn. Thời gian đầu, cuộc sống chung vẫn hạnh phúc bình thường; cho đến đầu năm 2016, từ những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không giải quyết được, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị P yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P anh H có 02 con chung là Nguyễn Hải N1, sinh ngày 07/3/2014 và Nguyễn Hải N2, sinh ngày 30/5/2015, đang ở với anh H, sức khỏe bình thường.

Tại phiên tòa, chị P trình bày: Anh H và hai cháu N1, N2 đang chung sống với cha mẹ của anh H tại Lào; ngoài anh H ra, còn có cha mẹ anh cũng yêu thương và có trách nhiệm với hai cháu, nên chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi hai con chung, không có ý kiến gì. Vì vậy, nên giao hai cháu N1, N2 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, anh H không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị P, anh H không yêu cầu, nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa XII về án phí, lệ phí Toà án thì chị P phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị P phải chịu 150.000 đồng chi phí ủy thác ra nước ngoài, nhưng được trừ vào 150.000 đồng tạm ứng chị đã nộp.

[7] Kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P; về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hải N1 và Nguyễn Hải N2 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không giải quyết; Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XII về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về quan hệ con chung:

- Anh Nguyễn Xuân H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là:

+ Nguyễn Hải N1, sinh ngày 07/3/2014.

+ Nguyễn Hải N2, sinh ngày 30/5/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07864 ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, chị P đã nộp đủ.

5. Về chi phí tố tụng: chị P phải chịu 150.000 đồng chi phí ủy thác ra nước ngoài. Nhưng được trừ 150.000 đồng tạm ứng chi phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001695 ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, chị P đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pHthi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản chính bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Liên